TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HSST
Ngày: 29/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Huân và ông Nguyễn Khắc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phong - Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 29/4/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2020/TLST-HS, ngày 18/3/2020; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS, ngày 09/4/2020 và thông báo mở lại phiên tòa số: 19/2020/TB-TA ngày 21/4/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Hồng T**; sinh ngày: 17/4/1992; tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn T, xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/T2; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế D và bà Lê Thị T1; Vợ: Hồ Thị T2; Con: 02 đứa (đầu sinh năm 2015, út sinh năm 2016); Anh chị em ruột có 03 người bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/T2/2019 đến ngày 21/T2/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đình T3**; sinh ngày: 09/3/1993; tại xã S2, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn M, xã S2, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/T2; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (Đã chết) và bà Nguyễn Thị O; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ tư; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/T2/2019 đến ngày 21/T2/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: **Trần Văn D1**; sinh ngày: 03/11/1998; tại xã S3, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn P, xã S3, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề

nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/T2; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần S và bà Phạm Thị H; Vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ tư; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/T2/2019 đến ngày 21/T2/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh cho đến nay. Có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Đào Thanh H1; sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Thôn T, xã S4, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

2. Chị Hồ Thị T2; sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn T, xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

3. Anh Lê Văn K; sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn T, xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

4. Anh Trần Công Đ; sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn C, xã S3, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

5. Anh Lê Đình T4; sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

*** Những người làm chứng:**

1. Anh Phạm Đại N; sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

2. Anh Lê Anh T5; sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Thôn K, xã S3, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

*** Người chứng kiến:** Anh Lương Quốc V; sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12 năm 2019, theo lời khai Nguyễn Đình T3, sinh năm: 1993, trú tại thôn M, xã S2, huyện H nhận được điện thoại của Lê Đình T4, sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã S5 (nay là xã K), huyện H nhờ tìm mua pháo cho một người tên H2 trú tại huyện C, T3 đồng ý. Một ngày sau, T3 nhận được cuộc điện thoại một người tự giới thiệu là H2 nhờ T3 mua pháo giúp, T3 đồng ý sau đó T3 gọi điện cho Trần Văn D1, sinh năm: 1998, trú tại thôn P, xã S3, huyện H là bạn của T3 để nhờ tìm mua pháo. Khoảng 18 giờ ngày 18/T2/2019 D1 gọi điện cho Phạm Hồng T, sinh năm: 1992, trú tại thôn T, xã S1, huyện H là nơi quen biết của D1 hỏi mua pháo thì T nói có bán pháo. Vì muốn hưởng lợi nên D1 thỏa thuận mua 10 hộp pháo loại 36 quả giá 6.000.000 đồng nhưng dặn T khi T3 đến mua pháo thì nói giá 7.000.000 đồng, T đồng ý. Sau khi tìm được, D1 gọi điện thông báo cho T3 về khối lượng, giá tiền, T3 đồng ý. Lúc này T3 gọi điện cho H2 nói có pháo, hẹn gặp tại thị trấn P, huyện H và thỏa thuận tiền công tìm mua pháo 1.000.000 đồng, H2 đồng ý. Khoảng

19h30’ ngày 18/T2/2019 H2 điều khiển xe ô tô bán tải, màu trắng (không rõ nhãn hiệu, biển kiểm soát) đến, lúc này T3 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38H1-105B mượn của Đào Thanh H1, sinh năm: 1993, trú tại thôn T, xã S1, huyện H đến đón và đưa H2 lên thị trấn T, huyện H gặp D1. Khoảng 20h30’ cùng ngày T3 và H2 đến gặp D1 dẫn đường, đồng thời D1 gọi điện cho T thông báo để lấy pháo. Lúc này T lấy 10 hộp pháo loại 36 quả tại nhà bỏ vào một hộp bìa cát tông, sau đó điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38H1-254B mượn của Lê Văn K, sinh năm: 1988, trú tại thôn T, xã S1, huyện H chở pháo đến một căn nhà hoang cất dấu, sau đó T đi đón D1, T3 và Hùng đưa về căn nhà hoang. Tại đây T3 và D1 thỏa thuận với T bán 10 hộp pháo giá 9.000.000 đồng để T3 và D1 hưởng tiền chênh lệch, T đồng ý. Sau khi T3, D1 và T thỏa thuận xong, T thông báo khối lượng, giá cả với H2, H2 đồng ý và kiểm tra pháo. Kiểm tra thùng cát tông thấy bên trong chứa đủ 10 hộp pháo loại 36 quả nên H2 trả cho T 9.000.000 đồng. Sau khi H2 thanh toán tiền, T3 thỏa thuận mua thêm của T 01 bịch pháo bi với giá 550.000 đồng và trừ vào tiền chênh lệch được hưởng, T đồng ý. Sau đó T và D1 đi về nhà T lấy pháo, tại đây T đưa cho D1 2.300.000 đồng tiền chênh lệch được hưởng từ bán pháo, còn 6.700.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng do bán 10 hộp pháo loại 36 quả, 600.000 đồng do bán 01 hộp pháo bi và 100.000 đồng T xin D1 tiền chênh lệch giá. Sau khi mua xong toàn bộ pháo, T3 nhờ D1 chở giúp 03 hộp pháo loại 36 quả đến thị trấn P, huyện H, D1 đồng ý và lấy 03 hộp pháo bỏ vào cốp xe mô tô biển kiểm soát 37N8-10B của mình còn T3 chở H2 và số pháo còn lại, rồi cả ba đi về thị trấn P, huyện H. Khi đến thôn K, xã S3 D1 rủ thêm Lê Anh T5 cùng đi, đi một đoạn thì T5 không đi nữa. Tại đây D1 đưa cho T3 03 hộp pháo và 200.000 đồng rồi cùng T5 quay về. T3 tiếp tục điều khiển xe mô tô 38H1-105B chở H2 cùng toàn bộ số pháo về thị trấn P, huyện H. Khoảng 22 giờ cùng ngày khi đến khu vực giao nhau giữa đường H và đường quốc lộ 8A thuộc tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện H Nguyễn Đình T3 bị lực lượng chức năng bắt quả tang, còn người tên H2 trốn thoát. Ngày 19/T2/2019 nhận thức được hành vi của mình là phạm pháp nên Phạm H T và Trần Văn D1 đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đầu thú. Phạm Hồng T tự nguyện giao nộp 02 hộp pháo hình chữ nhật, kích thước mỗi hộp 25,5 x 16 x 16cm, bên ngoài mỗi hộp có họa tiết hình pháo hoa và chữ nước ngoài, đồng thời tiến hành khám xét nơi ở của Phạm H T thu giữ 01 T5i ni lông bên trong có nhiều quả hình cầu nhiều màu sắc, có gắn ngòi, T khai nhận 02 hộp hình chữ nhật và T5i ni lông chữa các quả hình cầu là pháo.

** Tại bản kết luận giám định số: 11/GĐP-PC09, ngày 21/T2/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận:* 10 khối hộp, kích thước mỗi khối T2 x 14,5 x 14,5cm, bên ngoài mỗi khối hình hộp có in hoa văn nhiều màu sắc và chữ nước ngoài gửi giám định có khối lượng là 13,8kg là pháo có đầy đủ đặc tính của pháp nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Các viên nhựa hình tròn, nhiều màu sắc, mỗi viên đều có gắn một đoạn dây màu xanh chứa trong 01 T5i bóng trong suốt gửi giám định có khối lượng là 0,5kg là pháo nổ.

** Tại bản kết luận giám định số: 18/GĐP-PC09, ngày 22/T2/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận:* 02 hộp hình chữ nhật, kích thước mỗi hộp 25,5 x 16 x 16cm, bên ngoài mỗi hộp có họa tiết hình pháo hoa và chữ nước

ngoài gửi giám định có khối lượng là 5,1kg là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ); Các quả hình cầu nhiều màu sắc, mỗi viên đều có gắn một đoạn dây chứa trong 01 T5i ni lông trong suốt gửi giám định có khối lượng là 0,44kg là pháo nổ.

* *Vật chứng vụ án:* 19,84kg pháo các loại (sau khi lấy mẫu giám định 0,47kg), còn 19,37kg; 200.000 đồng tiền Polime do ngân hàng Nhà nước Việt nam phát hành; 01 hộp bìa cát tông, bên ngoài có in nhiều chữ nước ngoài; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S, màu trắng của Nguyễn Đình T3; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đen của Trần Văn D1; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đều của chị Hồ Thị T2; 01 xe mô tô nhãn hiệu Nouvo LX màu đen bạc, biển kiểm soát 37N8-10B, đã qua sử dụng của Trần Văn D1; 01 xe mô tô hiệu Sirius RC màu đen trắng, biển kiểm soát 38H1-105B đã qua sử dụng của Đào Thanh H1; 01 xe mô tô hiệu Sirius RC màu đen, biển kiểm soát 38H1-254B đã qua sử dụng của Lê Văn K.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKS-HS, ngày 16/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh truy tố các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đình T3 và Trần Văn D1 về tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* *Về trách nhiệm hình sự*: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Hồng T, xử phạt mức án từ 15 đến 18 tháng tù về tội "Buôn bán hàng cấm"; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đình T3, xử phạt mức án từ 12 đến 15 tháng tù về tội "Buôn bán hàng cấm"; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Văn D1, xử phạt mức án từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng về tội "Buôn bán hàng cấm". Trả tự do cho bị cáo Trần Văn D1 ngay tại phiên tòa.

* *Về biện pháp tư pháp:* Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự truy thu số tiền 6.700.000 đồng từ bị cáo Phạm Hồng T; 2.100.000 đồng từ bị cáo Trần Văn D1 do các bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội mà có, để sung quỹ nhà nước.

* *Về hình phạt bổ sung*: Đề nghị miễn phạt tiền cho các bị cáo T, T3 và D1 vì có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

* *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, để: Tịch thu tiêu hủy 19,37kg; 01 hộp bìa cát tông, bên ngoài có in nhiều chữ nước ngoài là vật Nhà nước cấm lưu hành; Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng tiền Polime do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành của Trần Văn D1; 01 điện thoại di động, hiệu Iphone 5S, màu trắng của Nguyễn Đình T3; 01

điện thoại di động, hiệu Ôp F5, màu đen của Trần Văn D1 là các vật liên quan đến tội phạm; Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu đen trắng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen cho chị Hồ Thị T2; 01 xe mô tô hiệu Sirius RC, màu trắng đen, biển kiểm soát 38H1-105B đã qua sử dụng cho anh Đào Thanh H1; 01 xe mô tô hiệu Sirius RC, màu đen, biển kiểm soát 38H1-254B đã qua sử dụng cho anh Lê Văn K là các vật không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp; Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Nouvo LX, màu đen bạc, biển kiểm soát 37N8-10B đã qua sử dụng để xử lý theo thẩm quyền.

Các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đình T3, Trần Văn D1 và những người có quyền lợi liên quan đều thừa nhận nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi và nhĩa vụ liên quan anh Trần Công Đ, anh Lê Đình T4; những người làm chứng anh Phạm Đại N, anh Lê Anh T5 và người chứng kiến anh Lương Quốc V đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên anh Đ, anh T4, anh N, anh T5 và anh V đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Các bị cáo, người liên quan và Đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quá trình làm sáng tỏ diễn biến trong vụ án nên quyết định tiếp tục xét xử phiên tòa theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên Công an huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về T1 tiết định tội, định khung, tính chất mức độ hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đình T3, Trần Văn D1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ; phù hợp với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Vì vậy có đủ cơ sở khẳng định nhằm mục đích mua, bán kiếm lời nên vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/T2/2019 các bị cáo Nguyễn Đình T3, Trần Văn D1 cùng nhau mua 14,3 kg pháo của Phạm Hồng T ở thôn T, xã S1, huyện H, ngoài ra bị cáo Phạm Hồng T còn cất dấu riêng ở nhà 5,1kg pháo chưa bán, tổng khối lượng T buôn bán

19,84kg pháo nên đã phạm vào tội "Buôn bán hàng cấm", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự. Việc truy tố và xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không có gì oan sai.

Vụ án thuộc loại tội phạm nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước trong quản lý, kinh doanh hàng cấm. Hành vi buôn bán pháo nổ nó không chỉ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng con người mà còn gây thiệt hại nghiêm trọng đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, các bị cáo đã thực hiện hành vi mua pháo từ người này để bán cho người khác nhằm mục đích kiếm lời, thời điểm mà Đảng, Nhà nước ta đang ra sức tuyên truyền tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi liên quan đến sản xuất, buôn bán, vận chuyển, đốt các loại pháo nổ trái phép, điều đó chứng tỏ bị cáo liều lĩnh, coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xét xử các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo T trong vụ án là độc lập, không liên quan, còn T3 và D1 là đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, câu kết chặt chẻ. Xét vị trí, vai trò các bị cáo; T1 tiết tăng nặng, nhân thân và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong vụ án như sau:

- Hành vi của bị cáo Phạm Hồng T là độc lập trong vụ án, chính T là người đã mua pháo về cất dấu từ trước, chờ thời gian để bán kiếm lời và được hưởng lợi nhiều nhất từ việc bán pháo, khối lượng pháo T buôn bán nhiều hơn các bị cáo khác là 19,84kg pháo nên Hội đồng xét xử cần xét xử bị cáo T mức án nghiêm và cao hơn hai bị cáo T3 và D1, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú nên cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần.

- Đối với Nguyễn Đình T3 là đồng phạm với vai trò là người giữ vai trò chính trong vụ án, vừa là người thực hành tích cực nhất. Sau khi nghe người tên Hùng nhờ tìm pháo để mua, thì T3 nhận lời và liên lạc với D1 để thực hiện việc tìm pháo để mua bán nhằm mục đích thu lợi, số tiền T3 được hưởng là thấp hơn so với bị cáo T, nhưng sau khi mua 13,8kg pháo thì T3 tiếp tục mua riêng của T 0,5kg pháo. Như vậy vai trò của bị cáo T3 đứng thứ hai trong vụ án, Hội đồng xét xử cần xét xử bị cáo T3 mức án thấp hơn bị cáo T nhưng cao hơn bị cáo D1 và phải cách ly bị cáo T3 ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo nên cần căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần.

- Còn đối với bị cáo Trần Văn D1 là đồng phạm với vai trò giúp sức, sau khi nghe T3 nhờ tìm pháo để mua, biết việc mua bán pháo là vi phạm pháp luật nhưng D1 không can ngăn mà nhận lời với bị cáo T3 tìm pháo mua, để bán nhằm mục đích

thu lợi, như vậy vị trí, vai trò bị cáo D1 là thứ yếu trong vụ án, thấp nhất trong vụ án, Hội đồng xét xử cần xét xử bị cáo D1 mức án đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú nên cần căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần. Xét bị cáo có nhiều T1 tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, từ trước đến ngày phạm tội chưa vi phạm pháp luật lần nào, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nên cần căn cứ vào Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/ 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 65 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo Trần Văn D1 đủ điều kiện được hưởng án treo mà không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đảm bảo nghiêm. Bị cáo Trần Văn D1 xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên cần căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự để trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đình T3, Trần Văn D1 đều không có T1 tiết tăng nặng và nhân thân.

[5] - Đối với Lê Đình T4 quá trình điều tra thì Nguyễn Đình T3 khai nhận T4 là người trực tiếp gọi điện cho T3 nhờ tìm pháo để mua, tuy nhiên T4 khẳng định không liên lạc với T3, như lời khai của T3, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành các biện pháp điều tra, đối chất giữa bị cáo T3 với anh Lê Đình T4 nhưng không có căn cứ để kết luận, Viện kiểm sát không truy tố nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Người đàn ông tên H2 ở huyện C do các bị cáo T, T3 và D1 không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, không nhớ số điện thoại; Người đàn ông Lào đã bán pháo cho T, do T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, còn Lê Anh T5 đi cùng Trần Văn D1 trong quá trình D1 chở pháo, khi biết D1 có pháo thì anh T5 đã khuyên D1 vứt pháo, sau đó D1 đã đưa 03 hộp pháo cho T3 rồi quay về, nên hành vi của T5 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện H không có căn cứ để kết luận những người này, Viện kiểm sát không truy tố nên Hội đồng xét xử miễn xét

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, T3 và D1 đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 6.700.000 đồng của bị cáo Phạm Hồng T và 2.100.000 đồng của bị cáo Trần Văn D1, đây là số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo từ việc mua bán pháo mà có nên cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS để truy thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về vật chứng vụ án: Căn cứ các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, để:

+ Một hộp cát tông dán kín có chữ ký của các thành viên tham gia niêm phong, bên trong có 13,64kg pháo có đầy đủ đặc tính pháo nổ, 0,48kg pháo nổ, 01 T5i ni lông trong suốt, 01 bao tải xác rắn màu xanh, 01 T5i ni lông màu đen; 01 hộp bìa cát tông màu vàng sẫm kích thước (28x38x25)cm dán kín có chữ ký các thành viên tham gia niêm phong, bên trong có 4,85kg pháo có đầy đủ đặc tính pháo nổ, 0,4kg pháo nổ, 01 T5i ni lông trong suốt; 01 hộp bìa cát tông bên ngoài có in nhiều chữ nước ngoài đây là vật Nhà nước cấm lưu hành, vật liên quan đến tội phạm và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ Số tiền 200.000 đồng thu của Nguyễn Đình T3 (theo giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 02/3/2020 giữa Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H) là số tiền thu lợi từ việc phạm tội; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng thu của T3 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5 vỏ màu đen, ốp nhựa màu đen, trong có gắn thẻ sim, màn hình điện thoại bị nứt vỡ thu của D1 là vật các bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, bị cáo T sử dụng mua bán pháo, đây là tài sản hợp pháp của chị Hồ Thị T2, khi T sử dụng điện thoại để thực hiện hành vi phạm tội, chị TT2 không biết; còn 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen là tài sản hợp pháp của chị Hồ Thị TT2 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho chị TT2 là đúng quy định pháp luật.

- 01 xe mô tô hiệu Sirius RC màu đen trắng, biển kiểm soát 38H1-105B đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của anh Đào Thanh H1, anh H1 không biết bị cáo T3 sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho anh Đào Thanh H1 và 01 xe mô tô Sirius RC màu đen, biển kiểm soát 38H1- 254B đã qua sử dụng là tài sản của anh Lê Văn K, anh K không biết bị cáo T sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại cho anh Lê Văn K là đúng quy định pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Nouvo LX màu đen bạc, biển kiểm soát 37N8-10B, xe đã qua sử dụng, quá trình điều tra bị cáo Trần Văn D1 khai mua lại của anh Trần Công Đ, việc mua bán được thực hiện bằng lời nói nhưng anh Trần Công Đ khẳng định chiếc xe này do anh Đ mua lại của anh Hoàng Nhật H3 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An, khi mua xe có làm giấy viết tay, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ do giấy mua bán xe bị thất lạc nên giấy đăng ký xe vẫn mang tên anh H3, do không có nhu cầu sử dụng nên anh Đ đã bán lại chiếc xe này cho bị cáo D1. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay chưa có đủ căn cứ để xác định chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe là ai, nên cần giao chiếc xe mô tô này cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xử lý theo thẩm quyền.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm đề nghị xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- *Về trách nhiệm hình sự:*

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, khoản 1 Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: T bố bị cáo Phạm Hồng T phạm tội "Buôn bán hàng cấm", xử phạt bị cáo Phạm H T 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 19/T2/2019).

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, Điều 17, khoản 1 Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: T bố bị cáo Nguyễn Đình T3 phạm tội "Buôn bán hàng cấm", xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T3 T2 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo (ngày 18/T2/2019).

+ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: T bố bị cáo Trần Văn D1 phạm tội "Buôn bán hàng cấm", xử phạt bị cáo Trần Văn D1 T2 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai tư) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm (ngày 29/4/2020). Trả tự do cho bị cáo Trần Văn D1 ngay tại phiên tòa. Giao bị cáo Trần Văn D1 cho UBND xã S3, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Văn D1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 68, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo thì thực hiện theo Điều 93 Luật Thi hành án hình sự.

- *Về biện pháp tư pháp:* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử: Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Phạm Hồng T số tiền 6.700.000 đồng và bị cáo Trần Văn D1 số tiền 2.100.000 đồng.

- *Về vật chứng vụ án:* Căn cứ các điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

+ Tịch thu, tiêu hủy, gồm: 01 hộp cát tông dán kín có chữ ký của các thành viên tham gia niêm phong, bên trong có 13,64kg pháo có đầy đủ đặc tính của pháp nổ, 0,48kg pháo nổ, 01 T5i ni lông trong suốt, 01 bao tải xác rắn màu xanh, 01 T5i ni lông màu đen; 01 hộp bìa cát tông màu vàng sẫm kích thước (28x38x25)cm dán kín có chữ ký các thành viên tham gia niêm phong, bên trong có 4,85kg pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ, 0,4kg pháo nổ, 01 Túi ni lông trong suốt; 01 hộp bìa cát tông bên ngoài có in nhiều chữ nước ngoài.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước, gồm: Số tiền 200.000 đồng thu của Nguyễn Đình T3 (giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 02/3/2020 giữa Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H); 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu trắng thu của Nguyễn Đình T3; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5 vỏ màu đen, ốp nhựa màu đen, trong có gắn thẻ sim, điện thoại đã qua sử dụng, màn hình điện thoại bị nứt vỡ thu của Trần Văn D1.

+ Trả lại cho các chủ sở hữu, gồm: Trả lại cho anh Đào Thanh H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius RC, màu đen trắng, biển kiểm soát 38H1-105B, xe cũ, đã qua sử dụng, trên xe không có tài sản gì; Trả lại cho anh Lê Văn K 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius RC, màu đen, biển kiểm soát 38H1-254B, xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng; Trả lại cho chị Hồ Thị T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng đen, trong có gắn thẻ sim, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, trong có gắn thẻ sim, điện thoại đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus vỏ màu vàng, số IMEI 355392072904503, không gắn thẻ sim, máy đã qua sử dụng.

- Giao Cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Hà Tĩnh 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Nouvo LX, sơn màu đen bạc, biển kiểm soát 37N8 – 10B, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 37N8 – 10B.

(Đặc điểm các vật chứng nói trên như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2020).

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/T2/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Buộc các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đình T3, Trần Văn D1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo Phạm Hồng T, Nguyễn Đình T3, Trần Văn D1; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Thanh H1, chị Hồ Thị T2, anh Lê Văn K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Công Đ, anh Lê Đình T4 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày niêm yết bản án chính.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh (PV 06);
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Cơ quan THAHS Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các bị cáo; Những người liên quan

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Khánh

- UBND xã S1; xã S2; xã S3;
- Lưu hồ sơ, VP.PP